

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26-01-2021

V/v: Ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Công Nhận và bà Nguyễn Thị Bình.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Tiêu Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 26/01/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 238/2020/TLST-HNGĐ ngày 27/10/2020 về việc: Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/12/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05/01/2021, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Lương Văn H sinh năm 1970, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

2. **Bị đơn:** Bà Mạc Thị H sinh năm 1974, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

3. **Người làm chứng:** Chị Lương Thị T sinh năm 1993, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn ông H trình bày: Ông H và bà H kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương vào ngày 29/10/1992. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 11/2016 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do hai bên không hợp tính nết, không bảo ban nhau được trong cuộc sống thường ngày, đã sống ly thân và không còn biện pháp nào để cải thiện tình trạng hôn nhân. Nay ông H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị xin ly hôn bà H.

Về con chung: Ông H và bà H có hai con là Lương Thị T sinh năm 1993,

Lương Thị AT sinh ngày 02/10/2007. Khi ly hôn ông H nhận nuôi dưỡng cháu AT, không yêu cầu bà H cấp dưỡng tiền nuôi con; đối với chị T đã đủ 18 tuổi, nên ông H không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản, nợ, ruộng canh tác: Ông H không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật, nhưng bà H không đến Tòa án làm việc và không gửi văn bản nêu ý kiến quan điểm đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Người làm chứng chị T trình bày: Chị là con của ông H, bà H; hiện tại bố mẹ của chị không còn biện pháp nào để cải thiện tình trạng hôn nhân nên chị T đề nghị giải quyết cho hai bên đương sự được ly hôn; giao chị T cho ông H nuôi dưỡng. Đối với các văn bản tố tụng của Tòa án chị đã giao, thông báo cho bà H.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) và những người tham gia tố tụng (trừ bà H) đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị áp dụng Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị xử cho ông H ly hôn bà H; giao cháu AT cho ông H nuôi dưỡng; ông H phải chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà H đã được Tòa án triệu tập họp lệ, họp pháp nhiều lần nhưng vắng mặt, không có lý do. Ông H, chị T đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng.

[2]. Về hôn nhân: Ông H, bà H kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn tại UBND xã L vào năm 1992, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai bên đương sự phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không bảo ban nhau được trong cuộc sống thường ngày, cũng như việc phát triển kinh tế gia đình và đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Xác minh tại UBND xã L và người thân trong gia đình của đương sự, đều xác định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa hai bên đương sự đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án, ông H cũng như gia đình của đương sự đã thông báo cho bà H biết nhưng bà H không khai báo, không tham gia phiên hòa giải, điều này chứng tỏ bà H không mong muốn tìm kiếm biện pháp để cải thiện tình trạng hôn nhân với ông H. Từ những căn cứ như đã nêu ở trên, HĐXX có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân

và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, cũng như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xử ông H ly hôn bà H.

[3]. Về con chung: Ông H, bà H có hai con là Lương Thị T sinh năm 1983, Lương Thị AT sinh ngày 02/10/2007. Khi ly hôn, do chị T đủ 18 tuổi nên ông H không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng; đối với cháu AT, ông H đề nghị được nuôi dưỡng, mặt khác cháu AT có nguyện vọng được tiếp tục ở với ông H. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu của ông H, nguyện vọng của cháu AT cũng như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, giao cháu AT cho ông H nuôi dưỡng là đúng quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Bà H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con vì ông H không yêu cầu và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản, nợ, ruộng canh tác: Đương sự không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào: Điều 147, 227, 228, 229, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử.

- Về hôn nhân: Ông Lương Văn H ly hôn bà Mạc Thị H.

- Về con chung: Giao con Lương Thị AT sinh ngày 02/10/2007 cho ông Lương Văn H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Ông H tự nguyện không yêu cầu bà Mạc Thị H cấp dưỡng tiền nuôi con; bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

- Về án phí: Ông Lương Văn H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001984 ngày 27/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã L, huyện Thanh Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN MẠNH TUÂN

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

